

GERIATRIC CARE AT FAMILIES IN DONG HOI CITY, QUANG BINH PROVINCE FROM SOCIAL EXCHANGE PERSPECTIVE

CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI TẠI CÁC GIA ĐÌNH Ở THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH TỪ GÓC NHÌN TRAO ĐỔI XÃ HỘI

Lê Thị Mai Hương
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: Population aging is an urgent social issue that cities in Vietnam are currently facing with many difficulties and challenges. The rate of elderly people has increased rapidly in recent years, which will bring certain pressure to families and society, especially in finding resources for daily care. Traditionally in Vietnam, the family plays a pivotal role in taking care of the elderly in their old age, weakness, illness, reduced working capacity, etc. However, in the face of constant socio-economic changes, it affects and changes the family structure, making the relationship between family members towards the elderly become increasingly loose, even conflict, rejection is difficult. conciliatory resolution. This article uses survey data on elderly care services of Dong Hoi city, conducted by observational survey, interview in 2021 and based on social exchange theory, to analyze and explain. intergenerational exchange relationship, specifically between elderly people living at home and their adult children, thereby to deepen understanding of the issue of elderly care by family members. At the same time, points out the problems and solutions that contribute to improving the quality of care for the elderly.

Keywords: Elderly people, family, take care, social exchange.

TÓM TẮT: Già hóa dân số là một vấn đề xã hội cấp bách mà các thành phố ở Việt Nam hiện đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tỷ lệ người cao tuổi trong những năm trở lại đây gia tăng nhanh chóng sẽ mang lại áp lực nhất định cho gia đình và xã hội đặc biệt trong việc tìm kiếm nguồn lực chăm sóc hằng ngày. Theo truyền thống ở Việt Nam, gia đình đóng vai trò nòng cốt trong việc chăm sóc người cao tuổi lúc tuổi cao sức yếu, ốm đau bệnh tật, suy giảm sức lao động... Tuy nhiên, trước sự biến đổi không ngừng của kinh tế xã hội, nó ảnh hưởng và làm thay đổi cấu trúc gia đình khiến cho mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đối với người cao tuổi ngày càng trở nên lỏng lẻo, thậm chí xung đột, bài xích khó có thể giải quyết dung hoà. Bài báo này sử dụng dữ liệu khảo sát về dịch vụ chăm sóc người cao tuổi của thành phố Đồng Hới được tiến hành điều tra quan sát, phỏng vấn năm 2021 và dựa trên lý thuyết trao đổi xã hội, để phân tích và giải thích mối quan hệ trao đổi giữa các thế hệ, cụ thể giữa người già sống tại nhà và con cái trưởng thành của họ, từ đó để hiểu sâu hơn về vấn đề chăm sóc người cao tuổi bởi các thành viên trong gia đình. Đồng thời, chỉ ra những vướng mắc và giải pháp góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc người cao tuổi hiện nay.

Từ khoá: Người cao tuổi, gia đình, chăm sóc, trao đổi xã hội.

1. LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, tỉnh Quảng Bình cũng như các tỉnh thành khác tại Việt Nam đang đứng trước thực trạng cơ cấu dân số già. Sự chuyển đổi này đưa đến nhiều thời cơ thuận lợi nhưng đồng thời đặt ra những thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khi mà Quảng Bình là tỉnh “chưa giàu đã già”, từ đó tạo ra những áp lực nhất định về việc đảm bảo các nguồn lực về vật chất và tinh thần nhiều thách thức trong chăm sóc người cao tuổi (NCT). Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hiện nay, tuổi thọ trung bình của người dân đã đạt 73 tuổi, tăng hơn 33 tuổi so với thời kỳ những năm 1960 [7]. Mặc dù, tuổi thọ của NCT tăng nhưng không khoẻ đã ảnh hưởng rất lớn đến việc tự chăm sóc bản thân của NCT. Chính vì vậy, NCT rất cần sự quan tâm chăm sóc của các thành viên trong gia đình về cả vật chất, tinh thần và cả việc chăm sóc hằng ngày.

Theo số liệu báo cáo của Hội người cao tuổi tỉnh Quảng Bình, có hơn 100.934 NCT chiếm tỷ lệ 11,7%. Toàn tỉnh có 17.890 NCT từ 80 đến 89 tuổi, 4.603 NCT từ 90 - 99, đặc biệt có 97 NCT từ 100 tuổi trở lên [8]. Trước tình hình tỷ lệ NCT không ngừng tăng lên thì vấn đề chăm sóc NCT đã và đang là vấn đề cấp bách cần được quan tâm nghiên cứu. Vì vậy, việc nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp nhằm củng cố, nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi là một hoạt động cần thiết. Khi mà đại đa số NCT ở tỉnh Quảng Bình chủ yếu sống tại nhà và được chăm sóc bởi con cái hoặc vợ (chồng) của NCT. Dưới tác động của quá trình đô thị hoá, hiện đại hoá tỷ lệ NCT sống cùng vợ (chồng) của mình cũng đang

dần tăng lên [3]. Phải chăng, do sự mất cân bằng giữa việc “cho và nhận” dẫn đến mối quan hệ trao đổi xã hội giữa cha mẹ và con cái dần bị “nghiêng” và “lệch đi” trong việc chăm sóc về vật chất, tinh thần và chăm sóc hằng ngày. Hay là do mối quan hệ trao đổi xã hội giữa cha mẹ và con cái buộc phải thay đổi để thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực đô thị? Trước những băn khoăn trên, tác giả đã thực hiện một đề tài nghiên cứu nhỏ với tựa đề “*Chăm sóc người cao tuổi tại các gia đình ở thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình từ góc nhìn trao đổi xã hội*”.

2. KHUNG LÝ THUYẾT CHO NGHIÊN CỨU

Trong bài nghiên cứu, tác giả dựa trên cơ sở lý thuyết trao đổi xã hội truyền thống do Geogre Homans và các cộng sự đồng nghiên cứu, các giả định chỉ ra rằng: Thứ nhất, tất cả những người tham gia vào quá trình xã hội hóa đều được thúc đẩy bởi sự kỳ vọng về việc thành công trong tương lai; Thứ hai, kinh nghiệm trong quá khứ của cá nhân sẽ làm tăng hoặc giảm nhu cầu lựa chọn ở thời điểm hiện tại; Thứ ba, mỗi cá nhân thường thích duy trì các mối quan hệ mang lại lợi ích (phần thưởng) cho họ. Khác với Homans, Peter Plau [6] giới hạn hành vi trao đổi trong quan hệ bởi quan hệ trao đổi hai chiều giữa con người và con người, với ông khái niệm trao đổi xã hội mang nặng yếu tố kinh tế tác động vào hành vi xã hội, ông viết: “Trao đổi là một hành động xã hội tự nguyện, trong đó các cá nhân (trong cuộc sống hằng ngày) dựa vào phần thưởng của người khác để lựa chọn hành vi trao đổi tương ứng. Tuy nhiên, một khi phần thưởng

bị gián đoạn, đồng nghĩa với hoạt động (trao đổi) xã hội này chấm dứt” [6].

Lý thuyết trao đổi xã hội này đã được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực nghiên cứu dịch vụ xã hội từ những năm 1970, chủ yếu dùng để giải thích các yếu tố như quan hệ quyền lực, tương hỗ, cân bằng, v.v., phân tích mối quan hệ trao đổi qua lại giữa các thành viên trong gia đình, lợi ích giữa các thế hệ, ... trong đó chỉ rõ việc chăm sóc và phụng dưỡng người cao tuổi là một trong những chủ đề nổi bật đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập [12], [14], [15]. Theo quan điểm của lý thuyết này, sự “chăm sóc” của gia đình đối với người cao tuổi được hiểu là việc con cái trả lại công ơn dưỡng dục, chăm sóc của cha mẹ đối với con cái dưới hình thức cung cấp hỗ trợ về vật chất và tinh thần, tương tự như một hình thức "thanh toán" khoản nợ hay là “khoản đầu tư” của bố mẹ đã “chi ra” hoặc “cho mượn” trước đó [6]. Văn hóa truyền thống của Việt Nam cho thấy, sự chăm sóc của thế hệ sau đối với thế hệ trước có thể hiểu là sự “hoàn vốn đầu tư” được đúc kết trong câu “Trẻ cậy cha, già cậy con”. Có khi sự trao đổi với mục đích là cùng nhau có lợi, chẳng hạn như trao đổi các dịch vụ chăm sóc để đảm bảo an toàn kinh tế, hoặc trao đổi có tính thừa kế trong tương lai và được xây dựng bởi các dịch vụ hỗ trợ tại thời điểm hiện tại [14].

Về cơ bản, lý thuyết trao đổi xã hội dựa trên lý thuyết kinh tế học, được bắt nguồn từ khái niệm “trao đổi kinh tế” và sử dụng các khái niệm đối lập của việc “cho - nhận”, “chi phí - phần thưởng” và có cả sự bao hàm của “phần thưởng - trừng phạt” làm cơ sở nghiên cứu, khi ứng dụng lý thuyết này vào

thực tiễn. Nguyên tắc “có đi có lại” thường được coi là động cơ, động lực để thực hiện trao đổi kinh tế nói riêng và cả trao đổi xã hội. Đối với lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi, việc thực hiện hoạt động “cho” và “nhận” thường gắn liền với quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các thế hệ. Với tư cách là một hoạt động trao đổi xã hội, chăm sóc NCT không chỉ là một hoạt động trao đổi dựa vào nguyên tắc “có qua có lại” mà còn là sự phản hồi hoạt động chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con cái trước đây. Nên đã có nhận định sự trao đổi xã hội của con người là sự kỳ vọng đạo đức của thế hệ trước đối với thế hệ sau, là việc cha mẹ nuôi dạy chăm sóc con cái khi còn trẻ và con cái chu cấp cho cha mẹ khi về già [13].

Lập luận của phương Tây về trao đổi xã hội cho rằng sự trao đổi giữa các thế hệ là hành vi “có đi có lại” mang tính chất “đầu tư - hoàn vốn”. Nó được xem như một phần thưởng cho việc cha mẹ nuôi dạy con cái. Ngoài ra, trao đổi giữa cha mẹ và con cái trong cuộc sống hàng ngày, chủ yếu là hoạt động chăm sóc về vật chất và tinh thần [14]. Trong quá trình chăm sóc NCT, mối quan hệ trao đổi xã hội hai chiều có thể được duy trì giữa con cái trưởng thành và cha mẹ dựa trên phần thưởng, trách nhiệm và nghĩa vụ [11]; và việc “cho và nhận” trong hoạt động chăm sóc luôn có sự liên kết, thắt chặt tình cảm về huyết thống hoặc quan hệ hôn nhân giữa các thành viên trong gia đình. Như vậy, đối với cha mẹ thì trao đổi xã hội chủ yếu dựa trên quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân, đồng thời coi trọng các liên kết tình cảm ở quá khứ [15], không đơn giản chỉ là mối quan hệ dựa vào hợp đồng để trao

đổi giữa các thế hệ [11].

Mặt khác, mối quan hệ trao đổi xã hội trong việc chăm sóc NCT cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi những chuẩn mực văn hóa như: văn hoá truyền thống của quốc gia, văn hoá làng bản và nét riêng của văn hoá gia đình. Tuy nhiên, văn hoá truyền thống của quốc gia có sức ảnh hưởng lớn đến hành vi trao đổi xã hội giữa các cá nhân. Một học giả cũng chỉ ra rằng chuẩn mực giá trị văn hóa này được củng cố bởi sự tương tác giữa cha mẹ và con cái trong một môi trường xã hội cụ thể [11].

Vì vậy, ở Việt Nam khi xem xét mối quan hệ trao đổi xã hội giữa các thế hệ cần dựa vào yếu tố đạo hiếu và văn hóa truyền thống để xem xét sự trao đổi xã hội giữa con cái đối với cha mẹ. Bên cạnh đó, việc trao đổi xã hội còn mang nặng yếu tố “định kiến giới” đã ăn sâu vào tiềm thức và chi phối mạnh mẽ trong việc phân công con trai và con gái chăm sóc NCT. Sau những năm 1980, Việt Nam thực hiện cải cách kinh tế, chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hoá và hiện đại hoá từng bước được đẩy mạnh những thay đổi về đời sống và kinh tế - xã hội và đã có những tác động không nhỏ đến mối quan hệ trao đổi xã hội giữa các thế hệ. Dường như, những áp lực về kinh tế, cạnh tranh việc làm, bình đẳng giới... đã làm hạn chế nguồn lực, thời gian gia đình chăm sóc NCT. Trong khi, nghiên cứu gần đây đã chỉ ra NCT khi tuổi càng cao họ càng cần sự quan tâm, chăm sóc của con cái, đặc biệt là

chăm sóc hằng ngày [3]. Mặc dù, sự trao đổi xã hội giữa cha mẹ và con cái vẫn được duy trì khi mà con cái nhận được sự hỗ trợ về vật chất và tinh thần từ bố mẹ [10].

Tóm lại, trao đổi xã hội là sự "có đi có lại" cụ thể là sự trao đổi hai chiều từ cha mẹ đến con cái và ngược lại về cả vật chất và tinh thần. Trong phạm vi bài nghiên cứu, tác giả chỉ giới hạn sự trao đổi xã hội xoay quanh việc chăm sóc NCT tại nhà.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Lựa chọn người cao tuổi tham gia phỏng vấn sâu

Nghiên cứu này, tác giả áp dụng phương pháp chọn mẫu có mục đích để rút mẫu nghiên cứu 03 phường: Bắc Lý, Nam Lý và Đồng Mỹ thuộc thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bởi đây là những nơi mà có tỷ lệ NCT tương đối cao và vị trí địa lý nằm sát nhau nên tiết kiệm được chi phí đi lại và thời gian thu thập dữ liệu, đảm bảo tính kịp thời của dữ liệu cần sử dụng trong nghiên cứu. Theo bảng thống kê hộ gia đình có NCT do Hội NCT thành phố Đồng Hới cung cấp, dựa vào nguyên tắc lấy mẫu có sự phân bố đồng đều về giới tính, qua phương pháp lựa chọn mẫu ngẫu nhiên, tác giả đã lựa chọn 20 NCT từ 60 tuổi trở lên làm mẫu nghiên cứu. Sau đó thực hiện phỏng vấn sâu trên cơ sở 15 câu hỏi đã chuẩn bị trước. Và mỗi cuộc phỏng vấn trung bình kéo dài khoảng 45 phút, chưa tính thời gian di chuyển đến tận nhà mẫu nghiên cứu để phỏng vấn. Ngoài ra, tác giả đã thực hiện hoạt động thảo luận nhóm, quan sát, nghiên cứu tài liệu liên quan nhằm thu thập thêm thông tin phục vụ đề tài nghiên cứu.

3.2. Khái quát về đặc điểm, tình hình của

người cao tuổi tham gia phỏng vấn sâu

Trong số 20 NCT được phỏng vấn thì có 10 NCT là nam và 10 NCT là nữ, người trẻ nhất là 60 tuổi, người cao tuổi nhất 85 tuổi và độ tuổi trung bình là 68,97 tuổi.

Trong tổng mẫu nghiên cứu có 65,1% NCT có vợ (chồng) còn sống và 34,9% NCT góa chồng (vợ). Cụ thể về tình hình, đặc điểm của NCT tham gia phỏng vấn sâu đã được khái quát tổng hợp theo Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Khái quát tình hình, đặc điểm của người cao tuổi

Mã hoá (CT)	Giới tính	Độ tuổi	Trình cấp độ học vấn	Tình trạng hôn nhân	Số lượng con	
					Con trai	Con gái
1	Nữ	63	Trung cấp	Đã kết hôn	01	01
2	Nam	60	Trung cấp	Đã kết hôn	01	01
3	Nam	71	8/10	Đã kết hôn	01	02
4	Nữ	74	7/10	Góa chồng	00	02
5	Nữ	82	6/10	Đã kết hôn	02	02
6	Nam	83	5/10	Góa vợ	03	02
7	Nữ	66	Cao đẳng	Đã kết hôn	02	00
8	Nữ	68	Đại học	Đã kết hôn	02	00
9	Nữ	76	7/10	Góa chồng	02	01
10	Nam	62	9/10	Đã kết hôn	00	01
11	Nam	77	3/10	Đã kết hôn	04	00
12	Nam	78	5/10	Đã kết hôn	02	01
13	Nữ	72	8/10	Góa chồng	01	03
14	Nữ	65	8/10	Góa chồng	01	00
15	Nam	60	6/10	Ly hôn	01	02
16	Nam	85	4/10	Góa vợ	02	02
17	Nam	71	3/10	Đã kết hôn	01	01
18	Nữ	70	5/10	Góa chồng	01	01
19	Nam	75	10/10	Đã kết hôn	00	02
20	Nữ	78	8/10	Góa vợ	02	01

3.3. Hình thức sống của người cao tuổi ảnh hưởng đến sự trao đổi xã hội

Hình thức sống là tiền đề cơ bản để hiểu sự trao đổi xã hội giữa con cái và NCT. Đầu tiên, xem xét từ ngoại cảnh như loại hình, chất lượng nhà ở, cách sắp xếp các thành viên sống trong gia đình với NCT.

Sau đó sẽ tập trung, phân tích các khía cạnh trao đổi xã hội về vật chất, tinh thần và chăm sóc hằng ngày. Tác giả đã xây dựng 5 câu hỏi trong cuộc khảo sát để tìm hiểu sự tác động giữa hình thức sống và hoạt động trao đổi xã hội giữa con cái và NCT (xem Bảng 2).

Bảng 2. Hình thức sống chung của người cao tuổi và con cái

Hình thức chung sống	Giới tính		Số người
	Nam	Nữ	
Sống chung với con cái	3	4	7
Sống độc lập với con cái	7	6	13

Qua khảo sát cho thấy hình thức chung sống của NCT về cơ bản có hai hình thức là sống chung với vợ (chồng) là NCT hoặc người NCT (góa bụa) sống chung với con cái và người NCT sống độc lập với con cái. Có 07 NCT sống cùng với con cháu, trong đó có 3 NCT nam và 4 NCT nữ; và có 13 NCT sống độc lập với con cái, trong đó có 7 NCT nam và 6 NCT nữ. Qua phân tích kết quả nghiên cứu nhận thấy hình thức sống của NCT ảnh hưởng đến mức độ trao đổi xã hội. Về mặt vật chất, NCT sống cùng con cái không chỉ được hỗ trợ sinh hoạt phí hằng ngày còn được hỗ trợ các chi phí dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chi tiêu vặt khác. Còn đối với NCT sống độc lập với con cái thì thỉnh thoảng họ được nhận một khoản hỗ trợ giúp đỡ từ con cái nhưng không đáng kể. Cụ bà CT 18, 70 tuổi, góa chồng, cho hay: “*Tui (tôi) ở một mình, lâu lâu chúng nó có gửi biếu 1 hoặc 2 triệu mua thức ăn. Tui (tôi) đành tự lo chứ biết rằng (sao). Con nó làm nó ăn, mình làm mình ăn cho rồi*”. Việc hỗ trợ tài chính cho NCT chủ yếu được cung cấp bởi con trai của NCT, còn con gái thì tuy tâm, con gái thường giúp đỡ NCT các công việc chăm sóc trực tiếp hay còn gọi là chăm sóc hằng ngày như: giặt

giũ, đi chợ, nấu cơm, lau dọn nhà cửa giúp NCT. Thể hiện rõ sự phân công vẫn còn mang nặng định kiến giới. Theo ông CT11, 77 tuổi thì: “*Đàn bà lo việc nhà, đàn ông lo việc nước*”, *việc chăm sóc tôi chủ yếu nhờ cả vào con gái út cùng với con dâu*”. Việc sống chung với con cái giúp cho NCT ngoài việc giảm bớt các lo lắng áp lực về mặt tài chính mà còn nhận được sự quan tâm động viên, chia sẻ về mặt tinh thần và được chăm sóc hằng ngày. Cụ ông CT 12, 78 tuổi chia sẻ: “*Tui (tôi) ở với vợ con, chứ (chứ) tui (tôi) một mình đau ốm liên miên, không có người chăm sóc bầu bạn, lo thuốc thang, cháo gạo e tui (tôi) chết lâu rồi*”. Cụ bà CT 9, 76 tuổi, góa chồng, nói rằng: “*May mà tui (tôi) sống cùng con, chứ không một mình buồn lắm như mấy bà quanh xóm na. Mỗi lần buồn vui cũng một chắc (một mình). Sợ nhất khi đau ốm, không có ai chăm sóc. Cực lắm*”. Khi NCT sống chung với vợ (chồng) là NCT hoặc sống cùng con cháu sẽ được chăm sóc về cả vật chất, tinh thần và chăm sóc hằng ngày. Và khó có thể tránh khỏi những xung đột mâu thuẫn làm rạn nứt mối quan hệ, tình cảm giữa các thành viên trong gia đình. Cụ bà CT 9, 76 tuổi, góa chồng nói: “*Sống cùng con cái cũng có lúc va chạm. Tui (tôi) cũng buồn, chứ (giờ) con cháu mình cả, mình tra (già) rồi nhịn tý để còn nhờ con, chứ hơn thua chi lắm cực mình, cực con*”. Có thể, mỗi gia đình là mỗi hoàn cảnh khác nhau nhưng ở đó tồn tại sự nhường nhịn, quan tâm, chia sẻ giữa các thế hệ nó góp phần làm giảm sự căng thẳng, áp lực của việc chăm sóc một cách hiệu quả.

Đối với NCT sống độc lập với con cái thì sự giúp đỡ, hỗ trợ về vật chất, tinh thần

và sự chăm sóc hằng ngày có sự khác biệt nhất định. Cụ bà, CT 1, 63 tuổi, chia sẻ: *“Con tui (tôi) ở riêng. Hai ông bà tui (tôi) ở với nhau, tự chăm sóc nhau. Thỉnh thoảng cuối tuần con cháu mới lui tới thăm. Còn tiền thì chúng ít cho vì chúng còn nghèo”*. Khi con cái ở riêng việc hỗ trợ tài chính theo NCT thường bị chi phối bởi yếu tố thu nhập, hoàn cảnh gia đình của con cái, sức khỏe thậm chí cả vấn đề tình cảm giữa các thế hệ. Nó làm hạn chế sự hỗ trợ về mặt vật chất của con cái đối với NCT. Và sự chăm sóc về tinh thần và chăm sóc hằng ngày cũng không ngoại lệ vì con cái ở riêng nên thời gian tương tác, trao đổi cũng ít đi, thậm chí bị sao nhãng. Trong trường hợp cha mẹ đau ốm thì con cái mới cố gắng sắp xếp thời gian để lui tới, về thăm và chăm sóc, quan tâm.

Như vậy, hình thức sống có ảnh hưởng đến sự trao đổi xã hội giữa con cái với NCT ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, đến nay, hoạt động chăm sóc NCT bởi các thành viên trong gia đình đã và đang đóng vai trò quan trọng đối với việc chăm sóc NCT tại nhà.

3.4. Một số yếu tố khác ảnh hưởng đến việc trao đổi xã hội khi giữa con cái với người cao tuổi

Ngoài yếu tố trên còn có một số yếu tố khác tác động đến việc trao đổi xã hội như: giới tính, độ tuổi, khoảng cách địa lý, trình độ học vấn. Đầu tiên là nghiên cứu về yếu tố giới. Trong tổng số 20 NCT thuộc mẫu nghiên cứu có 12 NCT nhận được sự hỗ trợ tài chính của con trai và 08 NCT nhận được sự hỗ trợ tài chính từ con gái nhưng không thường xuyên. *Năm nay tôi đã mất hoàn*

toàn sức lao động, may mà tháng nào con trai cũng cho tiền ăn uống sinh hoạt hàng tháng (CT13). Việc hỗ trợ cho bố mẹ cũng khá đa dạng như mua áo quần, bánh kẹo, mua thuốc, các vật dụng thiết yếu trong mùa đông, mùa hè...và thức ăn cho bố mẹ, v.v. Hầu hết, NCT thuộc mẫu nghiên cứu đều đã nhận được sự hỗ trợ về vật chất nhưng chủ yếu đến từ con trai nhiều hơn con gái. Sự hỗ trợ về mặt tinh thần cũng có sự khác biệt về giới. Con gái thường trao đổi chia sẻ với mẹ nhiều hơn so với bố. *“Có chuyện mấy đứa con gái nhà tui (tôi) hay tâm sự với tui (mẹ) còn thằng con trai thì nói chuyện với ông nhà. Riết thành quen”*. (Cụ bà CT 8, 68 tuổi). Sự chia sẻ, trao đổi, tâm sự thường xuyên tạo nên sự gần bó, thân thiết giữa các thành viên trong gia đình. Do yếu tố “định kiến giới” vẫn còn tồn tại vì thể thông thường con trai thì sống cùng với bố mẹ và là người chăm sóc chính cho bố mẹ lúc về già. Nhưng thực tế, con trai trong gia đình chủ yếu hỗ trợ về mặt tài chính còn người chăm sóc trực tiếp hằng ngày cho NCT lại là phụ nữ (con gái, con dâu hoặc vợ của NCT).

Độ tuổi cũng là một trong những yếu tố tác động đến việc trao đổi xã hội. Nó là một trong những yếu tố cơ bản quyết định đến việc “cho đi” và “nhận lại” ở mức độ nhiều hay ít giữa cha mẹ và con cái. Với NCT, tuổi càng cao thì nhu cầu được chăm sóc về vật chất, tinh thần và cả sự chăm sóc hằng ngày càng trở nên cần thiết. Chính vì vậy, khi NCT tuổi cao, sức khỏe yếu đi sẽ khiến NCT trở nên bị quan, mặc cảm vì phải phụ thuộc về vật chất, tinh thần vào con cái. Cụ bà CT5, 82 tuổi, nói rằng: *Tôi đau suốt,*

không làm gì được để giúp con cháu. Ngày mô (nào) cũng phải có người túc trực chăm sóc rồi tiền thuốc thang. Tôi chỉ mong chết sớm cho con cái bớt khổ. (Khóc...). Có lẽ, việc chăm sóc NCT trong gia đình chưa bao giờ là dễ dàng khi mà tâm sinh lý của NCT thường thay đổi theo tuổi tác. Con cái cần thường xuyên quan tâm, hỗ trợ đầy đủ về vật chất, tinh thần và chăm sóc hằng ngày để NCT giảm bớt lo âu, muộn phiền.

Và yếu tố khoảng cách địa lý cũng là một trong những rào cản làm hạn chế sự trao đổi xã hội giữa thế hệ sau với thế hệ trước. Cụ bà CT 7, 66 tuổi, sống cùng chồng, cho hay: *“Tôi (tôi) có 02 con trai, nó ở Hà Nội cả, lâu lâu mới về một lần. Chúng nó hay điện về, gửi tiền về. Điều không được gần con cũng tui, buồn lắm”*. Cho thấy, khoảng cách địa lý có thể không làm hạn chế sự chăm sóc về vật chất và tinh thần nhưng nó có khả năng triệt tiêu thời gian con cái chăm sóc hằng ngày dành cho NCT.

Ngoài ra, trình độ học vấn cũng là yếu tố cần xem xét vì nó tác động trực tiếp đến sự trao đổi xã hội. Con cái có trình độ học vấn càng cao họ lại muốn sống độc lập với bố mẹ và có xu hướng đi làm ăn ở các thành phố lớn hơn với mức thu nhập tốt hơn và cơ hội phát triển nhanh hơn. Vì thế, việc hỗ trợ về vật chất của con cái dành cho cha mẹ có thể được đảm bảo nhưng việc hỗ trợ về tinh thần và việc chăm sóc hằng ngày lại bị hạn chế. Cụ bà CT 8, 68 tuổi, cho rằng: *“Con học hành thành đạt tui (tôi) mừng lắm. Nhưng từ khi ra trường, lập gia đình chúng nó ra ở riêng. Các con lại hay đi công tác muốn gặp nó cũng khó”*. Nhưng yếu tố này chưa mang tính khái quát và rõ nét.

Như vậy, việc kế thừa và phát huy truyền thống “con cái hiếu thảo với ông bà cha mẹ” đã và đang được duy trì, tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp thuộc mẫu nghiên cứu do mâu thuẫn, bất đồng trong quá khứ, bị rạn nứt tình cảm vì phân chia tài sản thừa kế không công bằng, cha mẹ đối xử thiên vị theo giới hoặc có khúc mắc mâu thuẫn chưa được tháo gỡ... khiến cho việc chăm sóc của con cái dành cho cha mẹ còn hời hợt, thiếu trách nhiệm. Bà CT8, 68 tuổi, trao đổi trong nước mắt: *“Tôi (tôi) để 2 đứa con trai đều lập gia đình rồi. Thành út khá hơn, công việc ổn định nên nhà cửa tui cho thằng đầu. Từ đó, vợ chồng thằng út tự mua đất làm nhà gần đó mà nó chẳng mấy khi sang. (Thở dài). Nó giận tui (tôi) nơi á. Nhưng sau ni (này) con nó lớn mong nó hiểu cho tui (tôi)”*. Nên việc cha mẹ “cho đi” trong quá khứ để “nhận lại” trong tương lai không phải cha mẹ nào cũng được “hoàn vốn đầu tư”.

3.5. Mối quan hệ trao đổi xã hội giữa người cao tuổi với con cái

Trên cơ sở khái niệm “có đi có lại” để làm cơ sở nghiên cứu, việc trao đổi xã hội không chỉ là việc con cái trao đổi với bố mẹ mà còn có sự trao đổi giữa bố mẹ với con cái. Thông qua quá trình nghiên cứu, nhận thấy sự trao đổi giữa NCT với con cái chịu tác động bởi: yếu tố định kiến giới; yếu tố độ tuổi; yếu tố khoảng cách địa lý; và yếu tố hình thức sống; Đó là các yếu tố nổi bật khi xem xét về sự tác động, ảnh hưởng đến sự trao đổi xã hội giữa NCT và con cái.

Về yếu tố định kiến giới, từ lâu, nó đã ăn sâu vào tiềm thức của NCT. Vì vậy, việc phân chia tài sản, sự ưu tiên để đầu tư về vật

chất luôn dành ưu ái cho con trai hơn con gái. Ở một góc nhìn khác, NCT tự ngầm hiểu đối với con trai trong gia đình thì họ cần “cho đi” để “nhận lại” lúc ốm đau, già yếu vì họ xác định tư tưởng là sống cùng con trai. Theo NCT về mặt tư tưởng, họ nghĩ người chăm sóc hằng ngày được kỳ vọng và ủy thác vào con trai út (hoặc con trai một) hơn là con gái và con dâu trong gia đình. NCT nhìn nhận vai trò của con trai trong gia đình đối với tuổi già là cực kỳ quan trọng. Trong trường hợp không có con trai thì NCT tự chăm sóc lẫn nhau và nếu góa bụa thì họ xác định sống một mình. Theo người cao tuổi CT1, 63 tuổi, cho hay: “*Già rồi, chết có mang theo (tài sản) mô (dâu). Mình làm cũng chỉ vì con và để cho con. Cha mẹ sướng thì con sướng, cha mẹ cực thì con cực. Tui (tôi) sợ nhờ dâu... nên đã chuyển hết tài sản cho con trai hết rồi, tạo điều kiện chúng nó có cơ hội sửa sang, vay mượn tùy chúng nó. Con gái lấy chồng thì theo chồng*”. Sự đồng thuận, đoàn kết giữa các con sẽ tạo ra các hiệu ứng tích cực góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc NCT. Tuy nhiên, có những trường hợp vì việc phân chia tài sản không được sự nhất trí, đoàn kết của các thành viên trong gia đình có thể gây ra tranh cãi, mâu thuẫn, đùn đẩy trách nhiệm khi chăm sóc NCT lúc về già. Nếu điều kiện về vật chất của NCT ít mà số lượng con cái nhiều thì NCT khó có thể công bằng trong việc phân chia tài sản. Ông CT11, 77 tuổi, chia sẻ: “*Tui (tôi) có 4 người con (3 trai, 1 gái) nhưng chỉ có một căn nhà 2 tầng với tổng diện tích đất 120 mét vuông, vợ chồng tui (tôi) quyết định sống với con trai cả nên chuyển nhượng*

cho nó. Các con tui (tôi) nói vợ chồng tui (tôi) thiên vị con cả khiến chúng nó (các con) không phục, gây ra cãi cọ, vợ chồng tui (tôi) buồn lắm”. NCT lựa chọn ở với con trai nên việc quan tâm, chia sẻ và thường giúp đỡ cho con trai hoặc gia đình (của con trai) sống cùng nhà.

NCT khi tuổi càng cao, mức độ trao đổi xã hội từ góc độ “cho đi” càng bị hạn chế. Lúc này họ hy vọng được “nhận lại” nhiều hơn là “cho đi” kể cả vật chất, tinh thần và chăm sóc hằng ngày. Tuy nhiên, có một số NCT chỉ ra rằng “Nước mắt chảy xuôi” cha mẹ nuôi con, rồi con lại nuôi cháu, không phải sự “đầu tư” cho con cũng nhất thiết là phải “hoàn vốn”. Còn một số NCT thì lại cho rằng: “*Cả một đời vất vả vì con. Giờ sống nhờ phúc con chớ. “Trẻ cậy cha, già cậy con” là rứa đó. Biết rằng (sao) chừ (giờ). Thở dài*”. Con cái hiếu thảo với cha mẹ đó chính là việc trả ơn sinh thành và dưỡng dục, và chứng minh cho việc NCT từng “đầu tư” đã đến lúc “hoàn vốn” thành công.

Ngoài yếu tố định kiến giới thì yếu tố khoảng cách địa lý cũng là một trở ngại khiến NCT khó khăn hơn trong việc thực hiện các hoạt động trao đổi xã hội với con cái bởi không thể đi lại, khó khăn trong việc sử dụng thiết bị điện thoại thông minh... từ đó, NCT bị động mong muốn được “nhận” hơn là “cho đi” đặc biệt là về mặt tinh thần. Theo cụ bà CT9, 76 tuổi, góa chồng thì: “*Nhớ con lắm nhiều lúc có đồ ăn ngon muốn mang cho con cho cháu nhưng cũng khó. Chừ (giờ) tra (già) rồi, đi lại khó khăn. Muốn đến thăm con cũng khó*”.

Và sự trao đổi giữa NCT với con cái

còn chịu tác động bởi yếu tố hình thức sống. Việc NCT sống chung với con cái giúp NCT có nhiều cơ hội chia sẻ các công việc nhà, kinh nghiệm sống và thường xuyên trao đổi trò chuyện cùng con cháu, vừa thấy có ích vừa đỡ buồn chán. Thậm chí, việc “cho đi” về vật chất cũng có sự ưu tiên, thiên vị với con cái đang sống chung với NCT. Trường hợp NCT sống độc lập với con cái thì việc “cho đi” và “nhận lại” đều bị hạn chế. Vì họ ngại di chuyển cùng với tâm lý sợ làm phiền con cháu... khiến cho “khoảng cách giữa các thế hệ” ngày càng bị kéo giãn ra. Cụ bà CT4, 76 tuổi, góa chồng: *“Tui (tôi) sống một mình, con gái đều đã đi lấy chồng. Muốn đến thăm các con cũng khó. Chân hay đau, đi đâu cũng phải nhờ con nhờ cháu chở. Phiền chúng nó. Mẹ con ít khi gặp nên cũng...”*.

Có thể thấy, mỗi yếu tố đều có những tác động nhất định đến sự trao đổi xã hội giữa NCT với con cái. Việc “cho đi” hay “nhận lại” đều mang lại những ý nghĩa nhất định của hoạt động chăm sóc, về lòng hiếu thảo và việc lưu giữ nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Sự trao đổi xã hội giữa con cái dành cho NCT và ngược lại một lần nữa khẳng định sự “đầu tư” trong quá khứ và sự “hoàn vốn” ở hiện tại. Mọi sự “đầu tư” đều có “rủi ro”, nhưng với NCT việc “đầu tư” cho con cái của mình ở bất kỳ thời điểm nào đều là xứng đáng để “đầu tư” dù kết quả “hoàn vốn” có như ý nguyện hay không.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã tập trung phân tích một số yếu tố cơ bản làm ảnh hưởng đến hoạt động chăm sóc NCT trong gia đình

ở khu vực thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở lý thuyết trao đổi xã hội giữa cha mẹ với con cái và ngược lại, bị ảnh hưởng bởi văn hoá truyền thống, yếu tố giới tính, hình thức sinh sống, hoàn cảnh kinh tế, độ tuổi... khiến cho chất lượng trao đổi xã hội mang nhiều màu sắc khác nhau.

Nhiều NCT cho rằng: *“Đối với tôi, con cái hiếu thảo với cha mẹ là lẽ đương nhiên, ngày xưa con cái còn nhỏ mình chăm sóc, yêu thương. Giờ tra (già) rồi, con cái chăm sóc lại thôi”*. Việc con cái chăm sóc NCT không chỉ giới hạn trong hai chữ “trách nhiệm, nghĩa vụ” mà còn là “lòng hiếu thảo”, dường như nét văn hóa tốt đẹp ấy vẫn còn tồn tại và dịch chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác. Dựa vào quan điểm này, chúng ta có thể thấy, con cái đã và đang làm tốt vai trò chăm sóc của mình, nhưng có sự gắn kết chặt chẽ giữa “trách nhiệm” và “lòng hiếu thảo”, còn có cả sự kỳ vọng hun đúc đạo đức truyền thống của thế hệ này cho các thế hệ con cháu mai sau. Tóm lại, trách nhiệm chăm sóc cha mẹ của con cái, thể hiện thông qua, sự hiếu kính, phụng dưỡng cha mẹ của con cái; và trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ được hình thành bởi nét văn hóa “đạo hiếu” của truyền thống văn hóa dân tộc ta. Qua nghiên cứu nhận thấy, việc con cái chăm sóc cha mẹ đó là sự trao đổi mang tính chất “hoàn vốn đầu tư” trả lại công ơn chăm sóc nuôi dưỡng của cha mẹ.

Nhưng việc “trọng nam, khinh nữ” dường như đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi NCT và được duy trì từ thế trước đến thế hệ sau, làm hạn chế hiệu quả, chất lượng chăm sóc NCT tại nhà. Trong tương lai, việc

chăm sóc NCT ở khu vực đô thị phải đối mặt với nguồn nhân lực chăm sóc bị hạn chế bởi việc thực hiện chính sách 02 con của Chính phủ và tình trạng sinh con gái một bề của nhiều gia đình hiện nay, cùng với việc áp lực việc làm, thu nhập,... sẽ tạo ra nhiều thách thức đối với mô hình chăm sóc NCT tại nhà. Một khi NCT tuổi càng cao sức càng yếu thì sự chăm sóc từ gia đình luôn đóng vai trò nòng cốt nhưng cũng cần có sự hỗ trợ, chia sẻ từ hệ thống an sinh xã hội, y tế và đặc biệt là sự giúp đỡ từ cộng đồng giúp con cái giảm bớt những khó khăn trong chăm sóc NCT, thậm chí cảm thấy quá mệt mỏi đến mức “bất lực” và muốn “bỏ rơi” cha mẹ của mình. Việt Nam vốn là một quốc gia rất coi trọng chữ hiếu, vì vậy, việc chăm sóc NCT luôn đề cao vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của con cháu [2]. Tuy nhiên, hiện nay, với tỷ lệ dân số già tăng nhanh khi mà quy mô gia đình ngày càng thu nhỏ thì việc quá coi trọng mô hình chăm sóc NCT tại nhà có khả năng bị “vỡ trận”, “quá tải”, vì vậy, việc nghiên cứu phát triển các mô hình chăm sóc chính thức từ Nhà nước hoặc các mô hình chăm sóc tư nhân cũng cần học hỏi, nghiên cứu để tiếp sức và thay thế. Bên cạnh đó, mô hình chăm

sóc NCT không chính thức vẫn còn còn mang nặng yếu tố “định kiến giới” [3] làm hạn chế vai trò, trách nhiệm chăm sóc về vật chất, tinh thần và chăm sóc hằng ngày của cả nam và nữ. Đặc biệt là đối với phụ nữ, họ vốn là người chăm sóc trực tiếp và là người chăm sóc “không lương” với nhiều công việc chăm sóc NCT khó khăn, nặng nhọc ngoài các công việc lao động góp phần làm tăng thu nhập cho gia đình khiến cho phụ nữ phải chịu áp lực lớn hơn [3], vì thế, thiết nghĩ, đã đến lúc nhà nước, xã hội và gia đình cần ghi nhận và có những quy định cụ thể để hỗ trợ kịp thời cho nữ giới trong hoạt động chăm sóc NCT. Đồng thời, nước ta cần nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện các chính sách chăm sóc NCT ở cả mô hình chăm sóc chính thức và mô hình chăm sóc không chính thức và có hành lang pháp lý quy định cụ thể trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của cả nam và nữ khi tham gia chăm sóc NCT. Và cần thiết lập một hệ thống an sinh xã hội, hệ thống y tế chuyên biệt phục vụ trong lĩnh vực chăm sóc NCT. Từ đó, góp phần đảm bảo chất lượng chăm sóc NCT trong điều kiện, hoàn cảnh của nước ta “chưa giàu đã già”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- [1] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tổng Cục Thống kê, UNICEF, Viện Gia đình và Giới (2008), “*Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*”, Hà Nội.
- [2] Đặng Cảnh Khanh (2010), “Vấn đề giáo dục các giá trị truyền thống trong gia đình qua một khảo sát xã hội học”, *NXB Dân trí*.

- [3] Lê Ngọc Lân (2010), “Một số vấn đề cơ bản về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2011-2020”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Gia đình và Giới, Hà Nội*.
- [4] Trần Thị Hồng Yến (2013), “Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội”, *NXB Chính trị Quốc gia*.

- [5] UNFPA (2011), “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách”, Hà Nội.
- [6] Vũ Quang Hào (2014), “Thuyết trao đổi xã hội và quyền lực của Peter Blau và văn hóa quản lý”, *Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ*.
- [7] Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2019 (2021), “Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam”, Hà Nội.
- [8] <http://syt.quangbinh.gov.vn>.
- Tiếng Anh:**
- [9] Emily K. Abel (1990), “Informal Care for the Disabled Elderly: A Critique of Recent Literature”, *Research on Aging*, 12 (2), June, pp. 139-157.
- [10] Ballard Reisch, D.S& Weigel, D.j. (1991), “An interaction based model of social exchange in the two farm family”, *Family Relation*, 40, April, pp. 225-231.
- [11] Carole Cox & Donald E. Gelfand (1987), “Familiar assistance, exchange and satisfaction among Hispanic, Portuguese and Vietnamese elderly”, *Journal of Cross Cultural Gerontology* 2, pp. 241-255.
- [12] Dowd, (1975), “Aging as exchange: A preface to theory”, *Journal of Gerontology*, 30, pp. 584-594.
- [13] Hareven, T.K (1987), “The dynamics of kin in an industrial community. In Gerstel and H.E. Gross (Eds), Families and Work Philadelphia”, Temple University Press.
- [14] Lee, G.R. Netzer, J.K& Coward, R.T (1994), “Filial responsibility expectation of intergenerational assistance”, *Journal of Marriage and the Family*, 56, August, pp. 559-565.
- [15] Litwak, E& Meyer, H (1966), “A balance theory of coordination between bureaucratic organization and community primary group”, *Administrative Science Quarterly*, 11 (June), pp. 31-58.

Liên hệ:

ThS. Lê Thị Mai Hương

Khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Đại học Quảng Bình.

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: lemai.huong.dhqb@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/12/2022

Ngày gửi phản biện: 25/12/2022

Ngày duyệt đăng: 01/8/2023